

Số: 73-2018/TC - VIETCPA

Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2018

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017  
của Công ty Cổ phần Tàu Cuốc

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tàu Cuốc**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Việt đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu Cuốc (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 8 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tàu Cuốc cho năm tài chính 2017 :

- a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt, các bản có giá trị như nhau. Công ty Cổ phần Tàu Cuốc giữ 04 (bốn) bản, Công ty TNHH Kiểm toán Việt giữ 01 (một) bản.



Nguyễn Thị Diệu Linh

Tổng Giám đốc

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0920-2018-138-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT**

Nguyễn Thái Hồng

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán: 1115-2018-138-1

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>163.537.719.496</b>	<b>204.526.855.726</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.062.592.793</b>	<b>9.381.742.086</b>
1. Tiền	111		7.062.592.793	9.381.742.086
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>116.651.535.285</b>	<b>185.738.382.692</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	84.422.630.331	127.105.300.818
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.579.713.227	10.193.115.937
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	28.649.191.727	48.439.965.937
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.635.754.916</b>	<b>8.741.209.148</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	16.635.754.916	8.741.209.148
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.187.836.502</b>	<b>665.521.800</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		636.363.643	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.000	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4.551.089.742	665.521.800
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.6	18.000.368.117	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.289.423.491</b>	<b>55.810.009.859</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.302.694.775</b>	<b>28.278.571.575</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.240.194.775	26.216.071.575
- Nguyên giá	222		191.177.246.815	192.089.706.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-164.937.052.040	-165.873.635.088
3. Tài sản cố định vô hình	227		2.062.500.000	2.062.500.000
- Nguyên giá	228		2.062.500.000	2.062.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27.986.728.716</b>	<b>27.531.438.284</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	27.986.728.716	27.531.438.284
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>219.827.142.987</b>	<b>260.336.865.585</b>

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT T MINH	31/12/2017	01/01/2017
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>142.869.980.034</b>	<b>180.327.376.725</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>142.869.980.034</b>	<b>180.327.376.725</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	54.920.344.384	94.392.060.304
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.777.320.000	2.437.981.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	6.405.259.412	7.135.579.921
4. Phải trả người lao động	314	V.13	2.859.928.864	6.887.272.438
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		23.883.732.149	15.813.421.092
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	50.133.111.730	50.670.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.890.283.495	2.991.061.133
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.957.162.953</b>	<b>80.009.488.860</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>76.957.162.953</b>	<b>80.009.488.860</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		24.538.311.114	27.348.354.546
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.372.477.746	9.372.394.194
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.374.093	18.288.740.120
- LNST chưa phân phối LK đến CK trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.374.093	18.288.740.120
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>219.827.142.987</b>	<b>260.336.865.585</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CUỐC

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Chánh Tâm

Kế toán trưởng

Đặng Bá Khánh

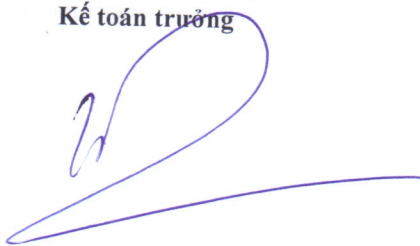
Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	61.438.423.585	209.685.046.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		61.438.423.585	209.685.046.125
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51.502.141.127	193.270.598.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.936.282.458	16.414.447.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	91.223.835	97.494.671
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.768.830.884	3.939.172.024
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.768.830.884	3.939.172.024
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.954.993.777	12.374.550.426
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.303.681.632	198.219.723
11. Thu nhập khác	31	VI.6	247.281.820	38.371.583.660
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.199.541.735	15.436.352.702
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(952.259.915)	22.935.230.958
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		351.421.717	23.133.450.681
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	305.047.624	4.844.710.561
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.374.093	18.288.740.120

Kế toán trưởng



Đặng Bá Khánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CUỐC

Tổng Giám đốc



Huyền Văn Chánh Tâm